

**QUYẾT ĐỊNH số 197.CP ngày 17-10-1972 về việc thành lập hệ thống tổ chức Quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam.**

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14-7-1960 ;*

*Theo đề nghị của đồng chí Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam ;*

*Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ số 178-CP ngày 18-9-1972 về việc đẩy mạnh công tác huy động tiền tiết kiệm của nhân dân nhằm tăng thêm nguồn vốn tín dụng, góp phần điều hòa lưu thông tiền tệ và cải thiện đời sống nhân dân,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** — Nay thành lập hệ thống tổ chức Quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam (dưới đây gọi tắt là Quỹ tiết kiệm) từ trung ương đến cơ sở như sau :

- Ở trung ương, có Cục tiết kiệm ;
- Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, có Chi cục tiết kiệm ;
- Ở cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, khu phố (thuộc hai thành phố Hà-nội và Hải-phòng) có Quỹ tiết kiệm ;
- Ở cấp xã, đường phố, xí nghiệp, cơ quan Nhà nước có Quỹ tiết kiệm cơ sở, ủy nhiệm tiết kiệm hoặc đại lý tiết kiệm.

**Điều 2.** — Hệ thống tổ chức Quỹ tiết kiệm có nhiệm vụ chuyên trách huy động tiền tiết kiệm của nhân dân, đồng thời kiêm nhiệm một số việc dưới đây :

- Mở tài khoản tiền gửi cho tư nhân ;
- Được ủy nhiệm thu và trả tiền cho các tổ chức kinh tế, cơ quan Nhà nước ;
- Cho vay sinh hoạt đối với cán bộ, công nhân, viên chức.

**Điều 3.** — Hệ thống tổ chức Quỹ tiết kiệm là đơn vị kinh doanh, hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế, có biên chế và quỹ lương riêng, đặt dưới sự lãnh đạo của đồng chí Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam.

**Điều 4.** — Ngân hàng Nhà nước Việt-nam được phép sử dụng số tiền do Quỹ tiết kiệm huy động được và phải trả lãi cho Quỹ tiết kiệm theo lãi suất tạm thời do đồng chí Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam và đồng chí Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

**Điều 5.** — Nguồn thu của Quỹ tiết kiệm gồm tiền lãi do Ngân hàng Nhà nước Việt-nam trả nói ở điều 4 và tiền thù lao do các tổ chức kinh tế, cơ quan Nhà nước trả về các công việc ủy nhiệm nói ở điều 2.

Nguồn chi của Quỹ tiết kiệm gồm lãi tiền gửi và tiền tiết kiệm trả cho nhân dân, tiền lương và các chi phí kinh doanh của hệ thống Quỹ tiết kiệm.

Hệ thống tổ chức Quỹ tiết kiệm phải kinh doanh có lãi, nộp tích lũy cho ngân sách theo chế độ của Nhà nước.

**Điều 6.** — Nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy cụ thể của mỗi cấp trong hệ thống tổ chức Quỹ tiết kiệm do đồng chí Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam quy định.

**Điều 7.** — Đồng chí Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

*Hà-nội, ngày 17 tháng 10 năm 1972*

T.M Hội đồng Chính phủ  
K.T Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng  
**LÊ THANH NGHỊ**

**PHỦ THỦ TƯỚNG**

**QUYẾT ĐỊNH số 50-BT ngày 16-10-1972 về việc sáp nhập xã Trưng-hưng và thôn Yên-thịnh II thuộc xã Đường-lâm, huyện Bá-vi vào thị xã Sơn-tây thuộc tỉnh Hà-tây.**

**BỘ TRƯỞNG PHỦ THỦ TƯỚNG**

*Căn cứ vào quyết định số 214-CP ngày 21-11-1970 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho Phó Thủ tướng phê chuẩn việc phân vạch địa*



giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn;

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Hà-tây.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay phê chuẩn việc sáp nhập xã Trung-hưng, huyện Ba-vi vào thị xã Sơn-tây thuộc tỉnh Hà-tây và đưa thôn Yên-thịnh II, xã Đường-lâm, huyện Ba-vi vào xã Viên-sơn thuộc thị xã Sơn-tây cùng tỉnh.

**Điều 2.** — Ủy ban hành chính tỉnh Hà-tây chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1972

Bộ trưởng Phủ Thủ tướng  
TRẦN HỮU DỤC

## CÁC BỘ

### BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 14.TC/TĐT ngày 6-10-1972** hướng dẫn thi hành Điều lệ ngân sách xã ban hành theo nghị định số 64-CP ngày 8-4-1972 của Hội đồng Chính phủ.

Hội đồng Chính phủ đã ban hành Điều lệ ngân sách xã (nghị định số 64-CP ngày 8-4-1972\*) Căn cứ vào điều 3 của nghị định nói trên, Bộ ra thông tư này để nói rõ thêm một số điểm nhằm làm cho việc tổ chức chi đạo thực hiện điều lệ được thống nhất, phù hợp với hoàn cảnh các địa phương.

**I. NẮM VỮNG CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ VÀ Ý NGHĨA, TÁC DỤNG CỦA NGÂN SÁCH XÃ**

Trung ương Đảng và Chính phủ đã nhiều lần xác định cấp xã là cấp cơ sở của Nhà nước ở nông thôn, là một cấp rất quan trọng, ngày càng cần được củng cố thêm (nghị quyết số 29-CP tháng 1-1968 của Hội đồng Chính phủ, nghị quyết số 197-NQ/TW ngày 15-3-1970 của Bộ Chính trị).

Là cấp chính quyền cơ sở, xã phải phát huy đầy đủ chức năng là cơ quan quyền lực và đơn vị hành chính của Nhà nước ở nông thôn. Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính xã phải làm tròn nhiệm vụ là những cơ quan đại diện của Nhà nước, đồng thời là đại diện của nhân dân, phải vươn lên làm đầy đủ nhiệm vụ và sử dụng đúng đắn quyền hạn của mình — như đã quy định trong luật pháp của Nhà nước — để tổ chức việc xây dựng nông thôn mới, xã hội chủ nghĩa; phải giữ vững trật tự trị an, bảo vệ tài sản công cộng, nhất là thường xuyên chăm lo công tác quản lý kinh tế, quản lý hợp tác xã, tổ chức đời sống của nhân dân như nghị quyết 197-NQ/TW ngày 15-3-1970 của Bộ Chính trị đã đề ra.

1. Quản lý kinh tế. Do nền kinh tế của ta ở nông thôn là kinh tế tập thể nên tại cấp xã, Nhà nước không chủ trương tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc sở hữu toàn dân. Nhiệm vụ của chính quyền cấp xã trong việc quản lý kinh tế là làm những công việc thuộc quyền hạn và chức năng của mình để tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã và nhân dân lao động đầy mạnh sản xuất, hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước giao cho và thi hành nghiêm chỉnh các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Cụ thể là:

a) Chính quyền cấp xã phải làm tốt nhiệm vụ bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bao gồm tài sản của Nhà nước và tài sản của hợp tác xã; đặc biệt phải rất coi trọng việc quản lý ruộng đất theo đúng nghị quyết số 125-CP ngày 28-6-1971 của Hội đồng Chính phủ, bảo đảm cho ruộng đất được sử dụng hợp lý và có hiệu quả kinh tế cao, diện tích không bị bỏ hoang, không hao hụt.

\* In trong Công báo số 6 năm 1972, trang 63.